

Lớp Phật Pháp Buddhaddhamma
Môn học: TƯƠNG ƯNG BỘ – SAMYUTTANIKĀYA

Bài học ngày 27.8.2022

TÁN THÁN MỘT CON NGƯỜI LỊCH SỬ
Kinh Koṇḍañña (Koṇḍaññasuttam)
CHƯƠNG VIII. TƯƠNG ƯNG TRƯỞNG LÃO VAṄĪSA (S. i, 193)

Bài pháp đầu tiên – hay Kinh Chuyển Pháp Luân – là bài pháp lịch sử. Người đệ tử đầu tiên được nghe bài pháp này và giác ngộ là một người lịch sử. Tôn giả Aññā Koṇḍañña nguyên là một bà la môn kiệt xuất về kinh điển Veda. Với bao nhiêu sở tri và kiến chấp vậy mà nghe một bài kinh về tứ diệu đế và trung đạo liền thành tựu tuệ giác. Ngay tại pháp tọa, Đức Thế Tôn với tâm của mình nhận biết sự giác ngộ thật sự của Koṇḍañña đã tuyên bố trong đoạn kết của bài pháp là “Koṇḍañña đã liễu ngộ” nên chữ “liễu ngộ” từ đó đã trở thành biệt danh của tôn giả và đi vào lịch sử. Có biết rõ và nhận định đúng mức thì mới hiểu tại sao một lão tăng lại có vị thế lịch sử như vậy. Điều này tạo nên cảm khái của một thi nhân mà cũng là một bậc la hán.



Kinh Văn

Ekam samayaṃ bhagavā rājagahe viharati veļuvane kalandakanivāpe.

Thở ấy Đức Thế Tôn ngự ở chùa Veļuvanna (Trúc Lâm), tại khu vực Kalandakanivāpa (chỗ cho sóc ăn), thành Rājagaha (Vương Xá).

Atha kho āyasmā aññāsikoṇḍañño [aññakoṇḍañño (sī. syā. kaṃ.)] sucirasseva yena bhagavā tenupasaṅkami; upasaṅkamtivā bhagavato pādesu sirasā nipatitvā bhagavato pādāni mukhena ca paricumbati, pāñhi ca parisambāhati, nāmañca sāveti – “koṇḍañño haṃ, bhagavā, koṇḍañño haṃ, sugatā” ti.

Bấy giờ Tôn giả Aññā Koṇḍañña, đến diện kiến Thế Tôn sau một thời gian khá dài. Sau khi đến đê đầu đánh lễ chân Thế Tôn, miệng hôn, tay xoa chân Thế Tôn và nói lên tên của mình:

-- Bạch Đức Thế Tôn, con là Koṇḍañña. Bạch Thiện Thệ, con là Koṇḍañña.

Atha kho āyasmato vaṅgīssa etadahosi – “ayaṃ kho āyasmā aññāsikoṇḍañño sucirasseva yena bhagavā tenupasaṅkami; upasaṅkamtivā bhagavato pādesu siraṣā nipatitvā bhagavato pādāni mukhena ca paricumbati, pāṇīhi ca parisambāhati, nāmañca sāveti – ‘koṇḍañño haṃ, bhagavā, koṇḍañño haṃ, sugatā’ ti. Yaṃ nūnā haṃ āyasmantaṃ aññāsikoṇḍaññaṃ bhagavato sammukhā sāruppāhi gāthāhi abhitthaveyya’ nti.

Rồi Tôn giả Vaṅgīsa khởi ý nghĩ: "Tôn giả Aññā Koṇḍañña, đến diện kiến Thế Tôn sau một thời gian khá dài. Sau khi đến đê đầu đánh lễ chân Thế Tôn, miệng hôn, tay xoa chân Thế Tôn và nói lên tên của mình: Bạch Đức Thế Tôn, con là Koṇḍañña. Bạch Thiện Thệ, con là Koṇḍañña. Vậy ta hãy ở trước mặt Thế Tôn, ta hãy nói lên kệ ngôn thích hợp tán thán Tôn giả Aññā Koṇḍañña".

Atha kho āyasmā vaṅgīso utthāyāsanā ekaṃsaṃ uttarāsaṅgaṃ karitvā yena bhagavā tenañjalim paṇāmetvā bhagavantaṃ etadavoca – “paṭibhāti maṃ, bhagavā, paṭibhāti maṃ, sugatā” ti. “Paṭibhātu taṃ, vaṅgīsa” ti bhagavā avoca.

Lúc ấy Tôn giả Vaṅgīsa từ chỗ ngồi đứng dậy, đắp thượng y vào một bên vai, chấp tay hướng về Thế Tôn và bạch rằng:

--Bạch Thế Tôn, cảm khái khởi lên trong tâm con. Bạch Thiện Thệ, cảm khái khởi lên trong tâm con

Đức Thế Tôn nói:

-- Này Vaṅgīsa, hãy đọc lên cảm khái ấy.

Atha kho āyasmā vaṅgīso āyasmantaṃ aññāsikoṇḍaññaṃ bhagavato sammukhā sāruppāhi gāthāhi abhitthavi –

**“Buddhānubuddho so thero, koṇḍañño tibbanikkamo;
Lābhī sukhavihārānaṃ, vivekānaṃ abhiṇhaso.**

**“Yaṃ sāvakena pattabbaṃ, satthusāsanakārinā;
Sabbassa taṃ anuppattaṃ, appamattassa sikkhato.**

**“Mahānubhāvo tevijjo, cetopariyāyakovido;
Koṇḍañño buddhadāyādo, pāde vandati satthuno”ti.**

Rồi Tôn giả Vaṅgīsa nói lên kệ ngôn tán thán thích hợp đối với Tôn giả Koṇḍañña với sự hiện diện của Đức Thế Tôn:

“Giác ngộ ngay sau Phật
Tôn giả Koṇḍañña
Nhiệt tâm và tinh cần,
Viễn ly, trú tịnh lạc
Những gì một đệ tử
Hành lời dạy Đạo sư
Vị ấy đã thành tựu
Với đồng mãnh tinh tấn.

“Đại sĩ chứng tam minh
Cùng với tha tâm thông
Tôn giả Koṇḍañña
Người kế thừa Phật Pháp
Đảnh lễ chân Đạo sư.



Thích văn

“Buddhānubuddho so thero = vị trưởng lão thành phật ngay sau Phật
koṇḍañño tibbanikkamo = Koṇḍañña bậc đồng mãnh tinh cần
Lābhī sukhavihārānaṃ vivekānaṃ abhiṇhaso = Thường sống trong viễn ly, tịnh lạc

“Yaṃ sāvakena pattabbam = những gì có thể chứng được bởi một đệ tử
satthusāsanakārinā = thực hành lời dạy của bậc Đạo Sư
Sabbassa tam anuppattam = Ngài đã chứng đạt được tất cả
appamattassa sikkhato = Với sự hành trì không xao lãng

“Mahānubhāvo tevijjo = Bậc đại sĩ chứng tam minh
cetopariyāyakovido = thiện xảo trong tha tâm thông
Koṇḍañño buddhadāyādo = Koṇḍañña người thừa tự Phật
pāde vandati satthuno”ti = đảnh lễ chân bậc Đạo sư



Thích nghĩa

Theo Sớ Giải thì thời gian dài (*sucirasseva*) vắng mặt là 12 năm. Tôn giả *Koṇḍañña* là một trong tám vị bà la môn thông thái đã đến gặp thái tử *Siddhattha* sơ sinh trong lễ đặt tên. Với niềm tin là thái tử sau này sẽ xuất gia trở thành bậc chân sư vĩ đại nên quyết tâm theo dõi chờ đợi. Khi nghe Đức Bồ Tát rời hoàng cung xuất gia *Koṇḍañña* bấy giờ tuổi đã cao rủ theo con của những bà la môn thông thái tông cộng là 5 vị mà sau này gọi là “nhóm năm thầy – *Pañcavaggiyā*” (gồm *Koṇḍañña*, *Bhaddiya*, *Vappa*, *Mahānāma*, *Assaji*). Sau khi chứng quả *A la hán* và hoằng hoá thời gian ngắn Tôn giả đã quy ẩn tại rừng *Chaddanta* trong rừng *Himalaya* bên hồ *Mandākinī*. Đến khi thấy thời điểm viên tịch đã tới nên đến diện kiến và xin phép Đức Thế Tôn để viên tịch.

Câu *buddhānubuddho so thero* – vị trưởng lão thành phật ngay sau Phật – có nghĩa là trong thời giáo pháp hiện tại sau khi Đức Thế Tôn tự thân giác ngộ thì Tôn giả *Koṇḍañña* là người giác ngộ tiếp theo (đầu tiên trong hàng đệ tử). Sau khi Đức Thế Tôn thuyết Kinh Chuyển Pháp Luân Tôn giả chứng tu đà hườn và Đức Phật xác chứng với câu: *Koṇḍañña* đã liễu ngộ, *Koṇḍañña* đã liễu ngộ (*Aññāsi vata bho koṇḍañño* *Aññāsi vata bho*) do câu nói lịch sử này từ đó Tôn giả được gọi là *Aññākoṇḍañño* (A Nhã Kiều Trần Như). (Trong thuật ngữ Phật học chữ *Buddhānubuddhasāvaka* – những bậc thính văn giác ngộ tiếp sau Đức Phật chỉ cho thế hệ những đệ tử lỗi lạc xuất hiện trong sơ thời của giáo pháp như các ngài *Maha Kassapa*, *Sariputta*, *Moggallāna*, *Anuruddha*...

Theo Sớ Giải chữ *sukhavihāra* chỉ cho *dittṭhadhammasukhavihārā* - hiện tại lạc trú mà ở đây là thiên chứng và đạo quả.

Chữ *vivekā* – viễn ly bao gồm thân viễn ly, tâm viễn ly, sở y viễn ly. Từ này được Tôn giả *Vaṅgīsa* dùng rất khéo trong thi tứ với cả hai nghĩa đen và nghĩa bóng. Ngụ ý Tôn giả *Koṇḍañña* đã viễn ly chư vọng nghiệp viên thành vô thượng đạo mà cũng là người sống ẩn dật.

Theo Sớ Giải mặc dù kệ ngôn chỉ đề cập đến tam minh và tha tâm thông nhưng kỳ thật Tôn giả *Koṇḍañña* chứng tam minh và lục thông.

Sau khi Tôn giả *Koṇḍañña* đánh lễ Đức Phật đã trở về trú xứ trong rừng *Himalaya* viên tịch tại đó. Về sau, xá lợi của tôn giả được mang về chùa *Veḷuvanna* (Trúc

Lâm), thành Rājagaha (Vương Xá) và Đức Thế Tôn tỵ tay đặt vào tháp thờ mà đến thời Ngài Buddhaghosa (vị sư định Sớ giải) vẫn còn.

Tỳ khuru Giác Đăng dịch và biên soạn giáo trình

9. Koṇḍaññasuttam [Mūla]

217. Ekam samayaṃ bhagavā rājagahe viharati veḷuvane kalandakanivāpe. Atha kho āyasmā aññāsikoṇḍañño [aññakoṇḍañño (sī. syā. kaṃ.)] sucirasseva yena bhagavā tenupasaṅkami; upasaṅkamtivā bhagavato pādesu sirasā nipatitvā bhagavato pādāni mukhena ca paricumbati, pāṇīhi ca parisambāhati, nāmañca sāveti – “koṇḍañño haṃ, bhagavā, koṇḍañño haṃ, sugatā”ti. Atha kho āyasmato vaṅgīssa etadahosi – “ayaṃ kho āyasmā aññāsikoṇḍañño sucirasseva yena bhagavā tenupasaṅkami; upasaṅkamtivā bhagavato pādesu sirasā nipatitvā bhagavato pādāni mukhena ca paricumbati, pāṇīhi ca parisambāhati, nāmañca sāveti – “koṇḍañño haṃ, bhagavā, koṇḍañño haṃ, sugatā”ti. Yaṃnūnāhaṃ āyasmantaṃ aññāsikoṇḍaññaṃ bhagavato sammukhā sārubbhāhi gāthāhi abhitthaveyya”nti.

Atha kho āyasmā vaṅgīso utṭhāyāsanaṃ ekamsaṃ uttarāsaṅgaṃ karitvā yena bhagavā tenañjalim paṇāmetvā bhagavantaṃ etadavoca – “paṭibhāti maṃ, bhagavā, paṭibhāti maṃ, sugatā”ti. “Paṭibhātu taṃ, vaṅgīsā”ti bhagavā avoca. Atha kho āyasmā vaṅgīso āyasmantaṃ aññāsikoṇḍaññaṃ bhagavato sammukhā sārubbhāhi gāthāhi abhitthavi –

“Buddhānubuddho so thero, koṇḍañño tibbanikkamo;
Lābhī sukhavihārānaṃ, vivekānaṃ abhinhaso.

“Yaṃ sāvakena pattaḃbaṃ, satthusāsanakārinā;
Sabbassa taṃ anuppattaṃ, appamattassa sikkhato.

“Mahānubhāvo tevijjo, cetopariyāyakovido;
Koṇḍañño buddhadāyādo [buddhasāvako (pī.)], pāde vandati satthuno”ti.

9. Koṇḍaññasuttavaṇṇanā [Aṭṭhakathā]

217. Navame aññāsikoṇḍañño ti paṭhamam dhammassa aññātattā evaṃ gahitanāmo thero. **Sucirassevāti** kīvacirassa? Dvādasannaṃ samvaccharānaṃ. Ettakaṃ kālaṃ kattha vihāsīti. Chaddantabhavane mandākinipokkharāṇiyā tīre paccekabuddhānaṃ vasanaṭṭhāne. Kasmā? Vihāragarutāya. So hi paññavā mahāsāvako. Yatheva

bhagavato, evamassa dasasahassacakkavāle devamanussānaṃ abbhantare guṇā patthaṭṭhāva. Devamanussā tathāgatassa santikaṃ gantvā gandhamālādīhi pūjaṃ katvā “aggadhammaṃ paṭividdhasāvako”ti anantaram theram upasaṅkamitvā pūjenti. Santikaṃ āgatānañca nāma tathārūpā dhammakathā vā paṭisanthāro vā kātabbo hoti. Thero ca vihāragaruko, tenassa so papañco viya upaṭṭhāti. Iti vihāragarutāya tattha gantvā vihāsi.

Aparampi kāraṇaṃ – bhikkhācāraṇāya tāva sabbasāvakaṃ vassaggena gacchanti. Dhammadesanākaṇṭhe pana majjhaṭṭhāne alaṅkatabuddhāsanamhi satthari nisinne dakkhiṇahatthapasse dhammasenāpati, vāmahatthapasse mahāmoggallānatthero nisīdati, tesam piṭṭhibhāge aññāsikoṇḍañnattherassa āsanaṃ paññāpenti. Sesā bhikkhū taṃ parivāretvā nisīdanti. Dve aggasāvakaṃ aggadhammapaṭividdhattā ca mahallakattā ca there sagāravā theram mahābrahmaṃ viya aggikkhandham viya āsīvisaṃ viya ca maññamānā dhurāsane nisīdantā ottappanti harāyanti. Thero cintesi – “imehi dhurāsanaṭṭhāya kappasatasahassādhikaṃ asaṅkhyeyyaṃ pāramiyo pūritā, te idāni dhurāsane nisīdantā mama ottappanti harāyanti, phāsuvihāraṃ nesam karissāmī”ti. So patirūpe kāle tathāgataṃ upasaṅkamitvā “icchāmaṃ, bhante, janapade vasitu”nti āha, satthā anujāni.

Thero senāsaṇaṃ saṃsāmetvā pattacīvaramādāya chaddantabhavane mandākinītiṇaṃ gato. Pubbe paccekabuddhānaṃ pāricariyāya kataparicayā aṭṭhasahassā hatthināgā theram disvāva “amhākaṃ puññakkhettaṃ āgata”nti nakhehi caṅkamaṇaṃ nittinaṃ katvā āvaraṇasākhā haritvā therassa vasanaṭṭhānaṃ paṭijaggitvā vattaṃ katvā sabbe sannipatitvā mantayimsu – “sace hi mayaṃ ‘ayaṃ therassa kattabbaṃ karissati, ayaṃ karissatī”ti paṭipajjissāma, thero bahuñātikagāmaṃ gato viya yathādhoteneva pattena gamissati, vārena naṃ paṭijaggissāma, ekassa pana vāre patte sesehipi nappamajjitabba”nti vāraṃ ṭhapayimsu. Vārikanāgo pātova therassa mukhodakañca dantakaṭṭhañca ṭhapeti, vattaṃ karoti.

Mandākinipokkharāṇī nāma cesā paṇṇāsayaṇā hoti. Tassā pañcavīsatiyojanamate ṭhāne sevālo vā paṇakaṃ vā natthi, phalikavaṇṇaṃ udakameva hoti. Tato paraṃ pana kaṭippamāṇe udake aḍḍhayaṇavittatam sesapadumavanaṃ paṇṇāsayaṇaṃ saraṃ parikkhipitvā ṭhitam. Tadanantaram tāva mahantameva rattapadumavanaṃ, tadanantaram rattakumudavanaṃ, tadanantaram setakumudavanaṃ, tadanantaram nīluppalavanaṃ, tadanantaram rattuppalavanaṃ, tadanantaram sugandharattasālivaṇaṃ, tadanantaram eḷālukalābukumbhaṇḍādīni madhurarasāni valliphalāni, tadanantaram aḍḍhayaṇavittārameva ucchuvanaṃ, tattha pūgarukkhakkhandhappamāṇā ucchū, tadanantaram kadalivaṇaṃ, yato duve pakkāni khādantā kilamanti, tadanantaram cāṭippamāṇaphalaṃ panasavanaṃ,

tadanantaram jambuvanam, tadanantaram ambavanam, tadanantaram kapitthavananti. Saṅkhepato tasmim dahe khāditabbayuttakam phalam nāma natthīti na vattabbam. Kusumānam pupphanasamaye vāto reṇuvaṭṭim utthāpetvā paduminipattesu ṭhpeti, tattha udakaphusitāni patanti. Tato ādiccapākena paccivā pakkapayoghanikā viya tiṭṭhati, etaṃ pokkharamadhu nāma, taṃ therassa āharitvā denti. Muḷālam naṅgalasīsamattaṃ hoti, tampi āharitvā denti. Bhisam mahābheripokkharappamāṇam hoti, tassa ekasmim pabbe pādaghāṭakappamāṇam khīram hoti, taṃ āharitvā denti. Pokkharatthīni madhusakkharāya yojetvā denti. Uccum pāsānapiṭṭhe ṭhpetvā pādena akkamanti. Tato raso paggharivā soṇḍiāvāṭe pūretvā, ādiccapākena paccivā khīrapāsānapiṇḍo viya tiṭṭhati, taṃ āharitvā denti. Panasakadaliambapakādīsū kathāva natthi.

Kelāsapabbate nāgadatto nāma devaputto vasati. Thero kālena kālam tassa vimānavāram gacchati. So navasappipokkharamadhucunṇayuttassa nirudakapāyāsassa pattaṃ pūretvā deti. So kira kassapabuddhakāle vīsativassasahassāni sugandhasappinā khīrasalākam adāsi. Tenassetam bhojanam uppajjati. Evaṃ thero dvādasa vassāni vasitvā attano āyusaṅkhāram olokento parikkhīṇabhāvam ñatvā “kattha parinibbāyissāmī”ti cintevā – “hatthināgehi maṃ dvādasa vassāni upaṭṭhahantehi dukkaram kataṃ, satthāram anujānāpetvā etesaṃyeva santike parinibbāyissāmī”ti ākāsenā bhagavato santikam agamāsi. Tena vuttaṃ “sucirasseva yena bhagavā tenupasaṅkamī”ti.

Nāmañcāti kasmā nāmaṃ sāveti? Therañhi keci sañjānanti, keci na sañjānanti. Tattha thero cintesi – “ye maṃ ajānantā ‘ko esa paṇḍarasīso obhaggo gopānasivaṅko mahallako satthārā saddhim paṭisanthāram karotī’ti cittaṃ padūsessanti, te apāyapūrakā bhavissanti. Ye pana maṃ jānantā – ‘dasasahassacakkavāle satthā viya paññāto pākato mahāsāvako’ti cittaṃ pasādessanti, te saggūpagā bhavissanti”ti, sattānam apāyamaggaṃ pidahitvā saggamaggaṃ vivaranto nāmaṃ sāveti.

Buddhānubuddhoti paṭhamam satthā cattāri saccāni bujji, pacchā thero, tasmā buddhānubuddhoti, vuccati. **Tibbanikkamoti** bālhavīriyo. **Vivekānanti** tiṇṇam vivekānam. **Tevijjo, cetopariyāyakovido**ti chasu abhiññāsu catasso vadati. Itarā dve kiñcāpi na vuttā, thero pana chaḷabhiññova. Imissā ca gāthāya pariyosāne parisā sannisīdi. Parisāya sannisinnabhāvam ñatvā thero satthārā saddhim paṭisanthāram katvā “parikkhīṇā me, bhante, āyusaṅkhārā, parinibbāyissāmī”ti, parinibbānakālam anujānāpesi. Kattha parinibbāyissasi koṇḍaññāti? Upaṭṭhākehi me, bhante, hatthināgehi dukkaram kataṃ, tesam santiketi. Satthā anujāni.

Thero dasabalam padakkhiṇam katvā – “pubbam taṃ me, bhante, paṭhamadassanam, idaṃ pacchimadassana”nti paridevante mahājane satthāram

vanditvā nikkhamitvā, dvārakoṭṭhake ṭhito – “mā socittha, mā paridevittha, buddhā vā hontu buddhasāvaka vā, uppannā saṅkhārā abhijjanakā nāma natthī”ti mahājanam ovaditvā passantasseva mahājanassa vehāsam abbhuggamma mandākinitīre otarivā pokkharaniyam nhatvā nivatthanivāsano katuttarāsaṅgo senāsanam saṃsāmetvā phalasaṃpattiyā tayo yāme vītināmetvā balavapaccūsasamaye parinibbāyi. Therassa sahaparinibbānā himavati sabbarukkhā pupphehi ca phalehi ca onatavinatā ahesum. Vārikanāgo therassa parinibbutabhāvam ajānanto pātova mukhodakadantakatṭhāni upaṭṭhapetvā vattam katvā khādanīyaphalāni āharitvā caṅkamanakoṭiyam atṭhāsi. So yāva sūriyuggamanā therassa nikkhamanam apassanto “kiṃ nu kho etaṃ? Pubbe ayyo pātova caṅkamati, mukham dhovati. Ajja pana paṇṇasālatopi na nikkhamatī”ti kuṭidvāram kampetvā olokeno theram nisinnakameva disvā hattham pasāretvā parāmasitvā assāsapassāse pariyesanto tesam appavattibhāvam ṇatvā – “parinibbuto thero”ti soṇḍam mukhe pakkhipitvā mahāravam viravi. Sakalahimavanto ekaninnādo ahoṣi. Aṭṭhanāgasahassāni sannipatitvā theram jeṭṭhakanāgassa kumbhe nisīdāpetvā supupphitarukkhāsākhā gahetvā parivāretvā sakalahimavantam anuvicaritvā sakaṭṭhānameva āgatā.

Sakko vissakammaṃ āmantesi – “tāta, amhākaṃ jeṭṭhabhātā parinibbuto, sakkāram karissāma, navayojanikaṃ sabbaratanamayaṃ kūtāgāram māpehī”ti. So tathā katvā theram tattha nipajjāpetvā hatthināgānam adāsi. Te kūtāgāram ukkhipitvā tiyojanasahassaṃ himavantam punappunam āvijjhimsu. Tesam hatthato ākāsaṭṭhakā devā gahetvā sādhuṅkīṭitam kīṭimsu. Tato vassavalāhakā sītavalāhakā uṇhavalāhakā cātumahārājikā tāvatimsāti etenupāyena yāva brahmalokā kūtāgāram agamāsi, puna brahmāno devānantī anupubbena hatthināgānamyeva kūtāgāram adamsu. Ekekā devatā caturaṅgulamattam candanaghaṭikam āhari, citako navayojaniko ahoṣi. Kūtāgāram citakam āropayimsu. Pañca bhikkhusatāni ākāsenāgantvā sabbarattim sajjhāyamakamsu. Anuruddhatthero dhammam kathesi, bahūnam devatānam dhammābhisamayo ahoṣi. Punadivase aruṇuggamanavelāyameva citakam nibbāpetvā sumanamakuḷavaṇṇānam dhātūnam parisāvanam pūretvā bhagavati nikkhamitvā veḷuvanavihāraṅkoṭṭhakaṃ sampatte āharitvā satthu hatthe ṭhapayimsu. Satthā dhātuparisāvanam gahetvā pathaviyā hattham pasāresi, mahāpathavim bhinditvā rajatabbubūlasadisam cetiyam nikkhami. Satthā sahatthena cetiye dhātuyo nidhesi. Ajjāpi kira tam cetiyam dharatiyevāti. Navamaṃ.